

## LOẠI HÌNH TIỂU THUYẾT, HÌNH THỨC CÔNG BỐ CỦA TIỂU THUYẾT NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX

PHAN MẠNH HÙNG

### TÓM TẮT

*Bài viết trình bày các vấn đề loại hình, cách thức công bố của tiểu thuyết Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Bài viết nhấn mạnh những đặc trưng về mặt loại hình của tiểu thuyết đại chúng và mối quan hệ tương tác của nó với các phương diện cách thức công bố, công chúng và sự lựa chọn của người cầm bút. Bài viết khẳng định hình thức, nội dung của tiểu thuyết Nam Bộ là sự lựa chọn có tính quan niệm của nhà văn Nam Bộ đầu thế kỷ XX.*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Tim hiểu tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam, chúng ta không thể không đề cập đến những vấn đề quan thiết đối với tiểu thuyết như vấn đề loại hình tiểu thuyết, hình thức công bố, chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận. Những vấn đề này đã được quan tâm từ rất sớm và cho tới ngày nay đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, theo chúng tôi, những vấn đề này nhất thiết phải được nghiên cứu kỹ dưới góc độ những vấn đề của văn học đại chúng. Bởi lẽ, văn học đại chúng

(Mass literature) ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại. Văn học đại chúng có mục đích giải trí, phục vụ một lớp người bình dân, chiếm đa số trong xã hội. Văn học đại chúng, theo nghĩa rộng bao gồm nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện tranh, thi ca bình dân, kịch bản phim truyền hình,... gắn liền với sự phát triển của các phương tiện truyền thông như báo chí, phim ảnh. Trong đó tiểu thuyết là thể loại chủ lực của văn học đại chúng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi thảo luận hai vấn đề quan trọng: Loại hình của tiểu thuyết và Hình thức công bố của tiểu thuyết Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

### 1. LOẠI HÌNH CỦA TIỂU THUYẾT NAM BỘ

Loại hình của tiểu thuyết Nam Bộ chủ yếu là loại hình tiểu thuyết đại chúng, tiểu thuyết giải trí phong cách hiện đại (modern-style entertainment fiction). Loại hình tiểu thuyết đại chúng ở Nam Bộ gần như theo một lược đồ có sẵn của tiểu thuyết giải trí phương Tây, Nhật Bản và Trung Quốc. Tiểu thuyết đại chúng khai thác các chủ đề: chuyện tình, chuyện trinh thám, chuyện phiêu lưu của anh hùng nghĩa hiệp, chuyện thu hút sự chú ý của công chúng (scandal). Về điều kiện lịch sử, Nam Bộ chịu quy chế thuộc địa và bị thuộc

---

Phan Mạnh Hùng. Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiểu thuyết đại chúng Nam Bộ luôn hướng đến một số mô hình: làm cho người ta lo sợ, hồi hộp, buồn, vui, yêu, ghét... thể hiện những thuộc tính của con-người như thất tình, lục dục; chú ý chiều theo tâm lý số đông và thường không chú trọng nhiều đến những thể nghiệm, ít thể nghiệm, đặc biệt là về hình thức. Người đọc Nam Bộ cũng không đặt nặng yêu cầu nhà văn phải thể nghiệm. Tiểu thuyết đại chúng thường chú ý đến việc thể hiện cốt truyện thật éo le, ly kỳ, tình tiết phải gây hồi hộp, tò mò. Điều quan trọng là khi đọc giả xem xong tác phẩm cảm thấy nhẹ nhõm, thoải mái và thư giãn, không bị những dằn vặt tinh thần đeo bám. Về mặt quan niệm nghệ thuật, nhà văn Nam Bộ đặc biệt đề cao vấn đề tả thực và phương diện xã hội của tiểu thuyết. Một trong những vấn đề trung tâm của tiểu thuyết đại chúng Nam Bộ là vấn đề nhân vật và thường thể hiện qua ba mô hình cơ

bản: nhân vật đạo đức (bao gồm nhân vật hành đạo và nhân vật sa ngã), nhân vật hành động và nhân vật tâm lý. Nhân vật thường rất ít phản tỉnh về ý thức. Điều này, thiết nghĩ cũng phù hợp với phần đông tâm lý người Việt và cho thấy một đặc trưng của tiểu thuyết đại chúng. Tiểu thuyết Nam Bộ cũng chú ý đến sự kiện, đặc biệt là sự kiện xã hội. Báo chí thực sự đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc cung cấp sự kiện cho tiểu thuyết. Chúng ta có thể thấy hiện tượng thẩm thấu giữa sự kiện báo chí và văn học. Trường hợp cô Ba Trà ở Sài Gòn hay các nhân vật ăn trộm siêu hạng đăng trên báo chí đương thời đã đi vào tiểu thuyết, hoặc trong bản thân các tiểu thuyết thường có những đoạn ngắn các mẩu tin đăng báo *Nông cổ (Mảnh trăng thu)*, *Công luận báo (Kim thời dị sử)*...

Trên thế giới, tiểu thuyết đại chúng gắn liền với sự phát triển của đô thị và chủ nghĩa công nghiệp ở nước Anh thế kỷ XVIII, rồi lan sang các nước Tây Âu và châu Mỹ.

Vậy, ý thức về loại hình văn học đại chúng và quan niệm về nó nơi trí thức văn nghệ của chúng ta có từ bao giờ? Tình hình này ở các nước Đông Á ra sao? Và văn học đại chúng mang những đặc trưng gì? Đây là những vấn đề cần thảo luận trên cơ sở tiểu thuyết Nam Bộ và cho tiểu thuyết Nam Bộ.

Văn học đại chúng, bình dân tồn tại như một thực thể có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của chúng ta đầu thế kỷ XX. Một số trí thức nhạy bén đương thời đã có những lưu ý về bộ phận văn chương này. Nguyễn Trọng Thuật, tác giả *Quả dưa đỏ*, trong bài viết *Biện minh về nghĩa văn học bình dân ngày nay* đăng trên báo *Sóng*

Ở một trường hợp khác, bằng những ví dụ sinh động, nhà phê bình Kiều Thanh Quế đã phác họa những tính chất của văn học đại chúng qua bài viết *Đại chúng văn học* đăng trên Tạp chí Tri Tân số 151/1944. Theo Kiều Thanh Quế: “Đại chúng là bao gồm tất cả hạng dân tầm thường trong một nước (...) Tiểu thuyết ngày nay cũng nằm trong văn học đại chúng. Tiểu thuyết của đại chúng không thiên trọng về lối phô diễn cầu kỳ. Tánh chất, giá trị của nó là giản dị, đẹp và thật: dùng rất ít lời văn mà tả nên bức tranh linh hoạt đầy thi vị. Đó là yếu tố

của đại chúng văn học (...) Tiểu thuyết đại chúng không vị nghệ thuật mà vị nhân sinh. Vị nghệ thuật là chú trọng ở *lời văn*. Vị nhân sinh là chú trọng ở *hứng thú*. Đại chúng là hạng người lao khổ, cả ngày vất vả với sống còn. Một khi được thành thoi mớ đến quyền tiểu thuyết họ không cần gì hơn được tìm trong ấy một vài hứng thú, để qua những giờ nhàn rỗi vô vị” (Kiều Thanh Quế, 2009, tr. 156). Theo Kiều Thanh Quế, tiểu thuyết đại chúng ở Âu Mỹ, Anh hiện có mấy loại: 1) Trinh thám tiểu thuyết, 2) Lịch sử tiểu thuyết, 3) Võ hiệp tiểu thuyết, 4) Diễm tình tiểu thuyết, 5) Phiêu lưu tiểu thuyết, 6) Giáo dục tiểu thuyết, 7) Xã hội tiểu thuyết. Ở Việt Nam, các tiểu thuyết của Thế Lữ, Phạm Cao Củng thuộc loại tiểu thuyết trinh thám; tiểu thuyết Phú Đức thuộc loại tiểu thuyết võ hiệp; tiểu thuyết của Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, Lan Khai thuộc loại tiểu thuyết lịch sử; tiểu thuyết của Song An Hoàng Ngọc Phách, Khải Hưng, Nhất Linh thuộc loại tiểu thuyết diễm tình; tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Lê Văn Trương thuộc loại tiểu thuyết xã hội. Khái quát của Kiều Thanh Quế cho thấy sự ảnh hưởng của tiểu thuyết đại chúng phương Tây đến nền tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XX. Và có lẽ Kiều Thanh Quế đã tiếp nhận được những đánh giá phẩm bình của các nhà nghiên cứu phê bình phương Tây và vận dụng vào trường hợp Việt Nam. Tiếc rằng, trong đánh giá xếp loại, nhà nghiên cứu chỉ thiên về các tác giả đất Bắc.

Bản về văn học đại chúng Nhật Bản hiện đại, nhà nghiên cứu Nguyễn Nam Trân cho biết: “*Từ điển Kôjien* của Nhật định nghĩa văn học đại chúng như một hình thức đối lập với văn học thuần túy và nhắm quần

lai cấp và hầu như cấu thành bởi lớp người trung lưu, chiếm đa số trong xã hội Nhật giai đoạn kỹ nghệ hóa.

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã dùng khái niệm “văn học thông tục” hay “tục văn học” hoặc “thông tục văn học” để chỉ bộ phận văn học có tính bình dân, đại chúng, phân biệt với bộ phận văn học chính thống, bác học thường được gọi là “nhã văn học” và văn học dân gian. “Tục văn học” là một khái niệm “văn loại” (Loại hình văn học). “Tục văn học” là loại hình nằm giữa “nhã văn học” và văn học dân gian. Học giả Đàm Phàm của Trung Quốc cho rằng: “Tục văn học lấy sự tiếp nhận từ đại chúng làm cơ sở, lấy sự giáo hoá đạo đức, truyền bá tôn giáo, phổ cập tri thức và tiêu khiển giải trí làm chức năng cơ bản nhất. Tục văn học là một tác phẩm văn học trên phương diện nội dung biểu hiện, hình thức nghệ thuật và thị hiếu thẩm mỹ đều theo đuổi sự thể tục hoá. Tục văn học có đặc tính truyền bá phổ cập hoá, có tính thương mại tiêu dùng ở mức độ nhất định” (Nguyễn Văn Hoài, 2011, tr. 552). Ở Trung Quốc, sau

cuộc chiến tranh Trung-Nhật lần thứ nhất (1894-1895), điều ước Shimonoseki được ký kết năm 1895 buộc Trung Hoa phải bồi thường chiến phí và ký điều ước thương mại với Nhật. Chính sự mở rộng giao thương đã kích thích tăng trưởng dân số và hình thành trung tâm đô thị công thương Thượng Hải với tầng lớp thị dân đông đảo. Theo Nguyễn Nam “chính thành phố đô thị hóa đầu tiên này của Trung Hoa đã sản xuất ra hàng loạt tiểu thuyết giải trí (phần lớn thông qua bản dịch Nhật ngữ). Đồng thời kế thừa truyền thống tiểu thuyết thông tục bản địa sẵn có, quy phạm Trung Hoa trong lĩnh vực tiểu thuyết giải trí theo sát lược đồ có sẵn của Nhật Bản. Cũng như ở châu Âu, châu Mỹ và Nhật Bản, những loại chính của tiểu thuyết giải trí ở Trung Hoa bao gồm: (1) chuyện tình, (2) chuyện phiêu lưu của anh hùng nghĩa hiệp, (3) chuyện thu hút sự chú ý của công chúng, *scandal*, và (4) chuyện trinh thám” (Nguyễn Nam, 2010, tr. 55).

Như vậy, lược qua một số quan niệm, văn học đại chúng có các đặc điểm đáng chú ý là *viết về cuộc sống đời thường, trình bày đơn giản, hướng đến người đọc rộng lớn, có tính chất giải trí và hàng hóa*. Văn học đại chúng ra đời và phát triển gắn liền với các loại phương tiện truyền thông đại chúng, phục vụ những cá nhân ở đô thị. Ở phương Đông, văn học đại chúng phát triển từ cội nguồn văn học dân gian, cùng với sự lớn mạnh của các đô thị và thể loại quan trọng là tiểu thuyết thông tục, trong đó tiểu thuyết chương hồi có một vị trí hết sức quan trọng.

Văn học đại chúng là một thành tố của quá trình văn học và khó có thể phân định rạch ròi ranh giới giữa văn học thuần túy và văn

## 2. HÌNH THỨC CÔNG BỐ CỦA TIỂU THUYẾT NAM BỘ

Tiểu thuyết Nam Bộ có hai hình thức công bố chủ yếu là dạng đăng báo và sách. Thông thường, một tác phẩm được đăng báo trước khi in sách. Trừ trường hợp tiểu thuyết lịch sử, còn đại đa số tiểu thuyết Nam Bộ thuộc những loại hình khác đều đi theo hướng này. Tiểu thuyết đăng báo theo từng kỳ là đặc trưng của feuilleton - sản phẩm của văn học phương Tây. Hình thức feuilleton mang đặc trưng cơ bản nhất của văn học đại chúng: tính giải trí và tính hàng hóa.

Trong khi nghiên cứu lịch sử báo chí Việt Nam, Huỳnh Văn Tông đã lưu ý chúng ta: “khi nghiên cứu văn học hiện đại, chúng ta hẳn chú ý rằng đa số các tác phẩm văn học đều đăng trước nhứt trên mặt báo, sau

đó mới in thành sách. Bởi vậy, theo thiên ý của chúng tôi, muốn nghiên cứu văn học hiện đại, ta nên xem qua lịch sử báo chí. Các nhà văn nổi tiếng thời bấy giờ thường dùng báo chí để đăng tải lần hồi các tác phẩm do họ sáng tác” (Huỳnh Văn Tông, 2000, tr. 239).

Văn học Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đến 1932 xuất hiện dòng văn chương phục vụ đại chúng. Văn chương Nam Bộ buổi đầu gắn với sự ra đời của báo chí. Báo chí ngay từ buổi đầu đã cho thấy khả năng phổ biến thông tin và giải trí vô cùng to lớn trong xã hội hiện đại. Ở Nam Bộ, nơi môi trường đô thị, báo chí đã chọn phục vụ độc giả đại chúng. Chọn cách phục vụ đại chúng, báo chí vừa có thuận lợi trong việc tăng số ấn bản phát hành, nhưng đồng thời cũng bị quy định bởi đại chúng. Chi phối dễ thấy nhất là giá của báo thường phải phù hợp với thu nhập của người bình dân, nội dung phải phù hợp với nhu cầu tìm kiếm thông tin giải trí của số đông, cách trình bày mỹ thuật cũng phải giản tiện. Lần giở lại những trang báo cũ, chúng ta dễ nhận thấy đa số báo chí ở Nam Bộ ít đi theo hướng chuyên ngành một cách nhất quán. Nông cổ mìn đàm, một tờ báo tưởng như chuyên về kinh thương, thế nhưng trên mỗi số bên cạnh những bài “thương cổ luận” là những bài liên quan đến việc hiếu, hỉ, chiến sự, những câu cách ngôn giáo huấn, truyện ngụ ngôn, tiểu thuyết feuilleton (cả truyện dịch và sáng tác). Tình trạng đó chúng ta cũng thấy ở tờ công báo *Gia Định báo*, tờ báo Công giáo *Nam Kỳ địa phận*. Nhu cầu giải trí của độc giả đại chúng đã góp phần phát triển loại hình tiểu thuyết feuilleton trên báo chí Nam Bộ. Theo đó, báo chí trở thành môi trường hết sức quan trọng cho

Có sự tương đồng trong quá trình hiện đại hóa văn học giữa Việt Nam và các nước Đông Á, đặc biệt là Nhật Bản khi nền văn học mới bắt đầu gắn với báo chí và thể loại chủ lực là tiểu thuyết. Tiểu thuyết feuilleton ở Nhật xuất hiện khá sớm vào những năm đầu thời Minh Trị (Meiji). Báo chí Nhật thời này được chia làm ba loại: loại đại tân văn (báo lớn) nhắm đến độc giả trí thức, nặng về chữ Hán, nội dung bình luận về chính trị, thời cuộc; loại trung tân văn (báo vừa) nhắm đến số lượng lớn độc giả trong xã hội; loại tiểu tân văn (báo nhỏ) dành cho người đọc ít học, viết bằng chữ quốc ngữ Hiragana. Theo Nguyễn Nam Trân “những tiểu thuyết đăng nhiều kỳ (romans-feuilletons) trước tiên đăng trên các loại báo nhỏ nhưng sau đó đã ăn lan sang các loại báo khác khi kiểu thương mại này chứng tỏ được độc giả ưa chuộng” (Nguyễn Nam Trân, 2011, tr. 620). Xét ở phương diện thể tài, tiểu thuyết feuilleton Nam Bộ trước 1932 có các loại: trinh thám, võ hiệp, lịch sử, xã hội. Với sự

góp mặt của các nhà văn như Biển Ngũ Nhy với các bộ *Mật thám truyện*, *Kim thời dị sử* (*Ba Lâu ròng nghề đạo tặc*, *Chủ nợ bất nhơn*), Phú Đức với các bộ *Châu về hiệp phố*, *Lửa Lòng*, *Non tinh biển bạc*, *Tình trường huyết lệ...*, Phi Long với bộ *Thùng thơ bí mật*. Nam Đình Nguyễn Thế Phương (1906-1978) đồng thời cũng là phóng viên pháp luật với các bộ tiểu thuyết về vụ án như *Túy hoa đình*, *Vô oan trái*, *Chén thuốc độc*. Trong những nhà văn viết trinh thám feuilleton thì Phú Đức là nhà văn tiêu biểu nhất: số lượng tác phẩm lớn, bán chạy và sự nổi tiếng, như nhận xét của Nguyễn Thị Thanh Xuân: “Chúng ta chưa có điều kiện để trả lời câu hỏi: ai là người đầu tiên đăng tiểu thuyết feuilleton trên báo Việt Nam, nhưng chúng ta có thể khẳng định, Phú Đức là một trong những người thành công nhất với tiểu thuyết feuilleton. Vậy nếu không có báo chí, chưa hẳn đã có một Phú Đức. Và ngược lại Phú Đức cũng làm sôi động báo chí một thời” (Nguyễn Thị Thanh Xuân, 2006, tr. 19). Phú Đức khiến người ta nghĩ đến kiểu nhà văn chuyên nghiệp của phương Tây.

Tiểu thuyết trinh thám feuilleton nội địa đầu tiên được biết đến là *Kim thời dị sử* của Biển Ngũ Nhy. Tuy vậy, “Kim thời dị sử” chính là tựa đề một mục trên Công luận báo chứ không phải là tên tác phẩm của nhà văn. Chính sự hấp dẫn của đề mục feuilleton này mà khi in sách tác giả đã sử dụng để đặt tên tác phẩm kèm thêm tên phụ: *Kim thời dị sử - Ba Lâu ròng nghề đạo tặc* hay *Kim thời dị sử - Ăn trộm nhút hạng*. Với *Kim thời dị sử*, chúng ta thấy có sự gặp gỡ giữa feuilleton và tiểu thuyết chương hồi Trung Hoa ở ý niệm: “Vô kỳ bất truyền”. Từ thành tựu bước đầu là *Kim*

Loại võ hiệp tiêu biểu với *Một đôi hiệp khách* (1929) của Nguyễn Chánh Sắt, và một phần nào đó là Phú Đức với *Tiểu anh hùng võ kiết* (1929), *Một thanh bửu kiếm* (1930)... Loại tiểu thuyết võ hiệp chịu ảnh hưởng từ tiểu thuyết võ hiệp chương hồi của Trung Quốc. Trước sức mạnh của truyện Tàu, tiểu thuyết võ hiệp phải nhường bước.

Loại tiểu thuyết lịch sử dịch có *Tiền căn báo hậu* (*Le Comte de Monte Christo* của Alexandre Dumas) đăng trên *Lục tỉnh tân văn* năm 1907 (in thành sách vào năm 1914) và *Ba người ngự lâm pháo thủ* (*Les trois mousquetaires*) đăng trên *Lục tỉnh tân văn* năm 1914 - cả hai đều do Trần Chánh Chiếu dịch. Tiểu thuyết lịch sử dịch của phương Tây và tiểu thuyết chương hồi Trung Hoa gồng nhau ở tính chất sử. Thế nhưng tiểu thuyết chương hồi thường thoát thai từ các thoại sử trong lúc yếu tố sử trong feuilleton là dã sử: không gian thời gian là lịch sử, nhưng nhân vật là người thường, hấp dẫn bởi tính chất võ hiệp kỳ tình. Tiểu thuyết lịch sử Trung Quốc mang đặc tính bình dân khá rõ, trong lúc tiểu thuyết lịch sử phương Tây lại mang tính đại chúng. Có một chi tiết cần chú ý là các bộ tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Nam Bộ không thấy xuất hiện dưới dạng feuilleton. Phải chăng các nhà văn cảm thấy trách nhiệm trí thức cầm bút đối với lịch sử dân tộc nên cần thiết phải nói “một cách nghiêm túc”, có nghĩa là viết văn với một sứ mệnh hướng đạo quần chúng.

Hay là trong một tình thế bị truyện Tàu lấn lướt, thì việc công bố theo hình thức feuilleton đối với tiểu thuyết lịch sử là không phù hợp.

Tiểu thuyết xã hội feuilleton có tính chất phong tục đạo lý có các tác phẩm của Hồ Biểu Chánh như *Chúa tàu Kim Quy* (Công luận báo năm 1922-1923), *Cay đắng mùi đời* (Đông Pháp thời báo năm 1923), *Nhơn tình ấm lạnh* (Đông Pháp thời báo năm 1926), *Cha con nghĩa nặng* (Phụ nữ tân văn năm 1929)...; tiểu thuyết feuilleton có tính chất xã hội của Lê Hoàng Mưu có các tác phẩm đáng chú ý như *Hồ Thê Ngọc* (Nông cổ mìn đàm, 1916 và Công luận báo, 1917-1918), *Oan kia thao mãi* (Lục tỉnh tân văn, 1920-1921), *Đầu tóc mượn* (Lục tỉnh tân văn, 1924), *Đêm rớt người tội tử hình* (Lục tỉnh tân văn, 1925)... loại có tính chất tính dục có *Hà Hương phong nguyệt* (có tên *Truyện nàng Hà Hương*) của Lê Hoàng Mưu đăng trên Nông cổ mìn đàm từ 1912 đến 1915. Riêng loại tiểu thuyết có tính chất chính trị chưa thấy xuất hiện trong giai đoạn này.

Ở miền Bắc, không khí viết feuilleton được Nguyễn Công Hoan kể lại trong hồi ký *Đời viết văn của tôi*: “việc viết dần từng hồi là tôi bắt chước lối làm việc phổ biến của anh em viết truyện trên báo hồi bấy giờ. Vũ Trọng Phụng cũng thế. Ngô Tất Tố cũng thế. Chỉ khi nào in thành sách mới sửa lại toàn truyện” (Nguyễn Công Hoan, 1971, tr. 111).

Thực tế trong đời sống văn học bấy giờ ở cả Bắc và Nam đã nảy sinh mối quan hệ thú vị, ít nhất là về mặt hình thức, giữa bản đăng báo chí và sách in. Như Nguyễn Công Hoan tiết lộ, nhà văn miền Bắc khi in

Với tác phẩm văn học in sách, độc giả đối diện với thế giới nội dung và nghệ thuật là một cuộc tiếp xúc riêng tư, khác với hình thức xem trên báo dễ bị chi phối bởi những thông tin khác và thường không trọn vẹn. Có thể nói, sự phát triển của công nghệ in, sách in ra nhiều và bán giá rẻ, đã tạo ra một cuộc bùng nổ của văn hoá đọc lần thứ nhất ở Nam Bộ và cả Việt Nam. Người đọc đại chúng dễ dàng mua về nhà và thưởng thức trong một không gian riêng tư với khuynh hướng hướng nội. Điều này quả có lợi cho tiểu thuyết và văn học khi nó kích thích sự tìm tòi vào tình cảm cá nhân không chỉ nơi người viết mà cả người đọc. Dẫu sao, khi đối diện với khuôn báo, lẽ tự nhiên nhà văn buộc phải tiến gần với truyền thống nói hơn là viết. Dù cho, với những đặc thù truyền tải thông tin và khuôn định hình thức, báo chí đã góp phần phá tung những giới hạn của hệ thống giao tiếp xã hội truyền thống và theo nó truyền thống nói giảm vai trò. Và nếu cứ quá chú trọng hình thức feuilleton sẽ trở thành bất lợi cho văn chương.

#### KẾT LUẬN

Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam diễn ra sớm ở Nam Bộ, và bằng thể loại tiểu thuyết. Các đặc trưng về loại hình, cách thức công bố nằm trong ý thức của những người cầm bút buổi đầu và hướng đến người đọc đại chúng. Tất cả những biểu hiện mới mẻ và những bất cập thể hiện nơi loại hình tiểu thuyết, hình thức công bố tác phẩm đều cho thấy những bước đi dích dắc của con đường hiện đại hóa văn học Việt Nam. Quá trình hiện đại hóa văn học ấy song hành, kích thích hiện đại hóa xã hội. Lựa chọn cách thức đại

Việc công bố theo hình thức feuilleton có lợi thế là đưa tác phẩm đến với độc giả một cách nhanh chóng, nóng hổi, mời gọi ở sự hồi hộp chờ đón. Khi in lại thành sách lại hấp dẫn độc giả một lần nữa ở tính trọn vẹn, đọc liền hơi.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Tông. 2000. *Lịch sử báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
2. Kiều Thanh Quế. 2009. *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam - Tuyển tập khảo cứu phê bình* (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng sưu tầm và biên soạn). Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
3. Nguyễn Công Hoan. 1971. *Đời viết văn của tôi*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
4. Nguyễn Huệ Chi. 2002. *Thử tìm vài đặc điểm của văn xuôi tự sự Quốc ngữ Nam Bộ trong bước khởi đầu*. Tạp chí Văn học. Số 5.
5. Nguyễn Nam. 2010. *Phụ nữ tự sát - lỗi tại tiểu thuyết? Một góc nhìn về phụ nữ với văn chương-xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX* (Lược trích). Nghiên cứu Văn học. Số 7.
6. Nguyễn Nam Trân. 2011. *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. Nguyễn Trọng Thuật. 1935. *Biện minh về nghĩa văn học bình dân ngày nay*. Sài Gòn: báo Sống. Số 4.
8. Nguyễn Thị Thanh Xuân. 2006. *Phú Đức - một mẫu hình nhà văn Nam Bộ đặc biệt đầu thế kỷ XX*. Nghiên cứu Văn học. Số 7.
9. Nguyễn Văn Hoài. 2011. *Từ văn học Trung Quốc nghĩ về truyện thơ Nôm Việt Nam*. Trong: *Những lần ranh văn học*. TPHCM: Nxb. Đại học Sư phạm.